

Kết quả chủ yếu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ tại Việt Nam

ThS. Trần Quốc Phương*

Tóm tắt:

Kể từ khi ký kết Tuyên bố Thiên niên kỷ năm 2000, Việt Nam đã quyết tâm thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) và coi các mục tiêu MDGs chính là các mục tiêu phát triển của Việt Nam, theo đó Việt Nam có nhiều nỗ lực, vượt qua những khó khăn và bối cảnh bất lợi của kinh tế toàn cầu, giữ vững những tiền đề quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo và bảo vệ môi trường, khẳng định vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Bài viết dưới đây nêu lên những kết quả Việt Nam đạt được cũng như chưa đạt được, khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện các mục tiêu MDGs và đưa ra các phương hướng tổ chức thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam - công việc tiếp nối của MDGs còn dang dở và giải quyết những vấn đề mới phát sinh.

Về kinh tế, Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng bình quân khá cao, đạt trên 7%/năm giai đoạn 2001 - 2010, tạo điều kiện tốt về nguồn lực để thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường. Đặc biệt năm 2010, Việt Nam đã chính thức thoát khỏi nhóm các quốc gia kém phát triển để gia nhập nhóm các quốc gia đang phát triển có mức thu nhập trung bình, giai đoạn 2011 - 2015, kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn do những vấn đề nội tại của nền kinh tế và chịu tác động không nhỏ của sự suy thoái kinh tế toàn cầu, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 5,91%/năm. Việt Nam đã vượt qua không ít khó khăn trong phát triển kinh tế và xã hội, để khẳng định quyết tâm thực hiện thành công các mục tiêu MDGs.

Về hội nhập quốc tế, với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam đã chủ động và tích cực hội

nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, là bạn và đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Đáng kể nhất trong tiến trình hội nhập quốc tế là Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 11 năm 2006, mở ra một chương mới cho hội nhập và thương mại quốc tế của Việt Nam.

Bên cạnh những thuận lợi và thành tựu đạt được, Việt Nam gặp không ít khó khăn và thách thức. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, lạm phát và suy giảm kinh tế năm 2012 đã có tác động không nhỏ tới phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, kéo theo nhiều hệ lụy về sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, việc làm, thu nhập của người dân. Mặc dù vậy, Việt Nam đã có những điều chỉnh kịp thời để khắc phục những khó khăn. Đặc biệt là trong bối cảnh đó các vấn đề về an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo vẫn được quan

* Vụ trưởng, Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

tâm một cách thích đáng, đảm bảo cuộc sống của người dân không những không bị ảnh hưởng nặng nề mà còn từng bước được cải thiện.

1. Đánh giá thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ

Đến năm 2015 Việt Nam đã hoàn thành: (1) 4/8 mục tiêu MDGs, đó là: MGD1. Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói; MDG2. Phổ cập giáo dục tiểu học; MDG3. Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ và MDG5. Tăng cường sức khỏe bà mẹ; (2) 3/8 mục tiêu đạt nhiều tiến bộ (đạt nhiều nội dung) tiệm cận với mục tiêu đề ra, gồm: MDG6. Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch nguy hiểm khác; MDG7. Đảm bảo bền vững môi trường và MDG8. Thiết lập quan hệ đối với toàn cầu vì phát triển; (3) 1/8 mục tiêu mới đạt được một số nội dung so với mục tiêu đề ra: MDG4. Giảm tử vong trẻ em, mục tiêu đề ra là giảm 2/3 trẻ em tử vong dưới 5 tuổi (thực hiện được 50%). Kết quả đạt được từng mục tiêu cụ thể như sau:

- Mục tiêu 1: Việt Nam là một trong các quốc gia thành công về giảm nghèo, đây là kết quả của tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, tự do hóa thương mại và các chính sách giảm nghèo nhằm trực tiếp vào các nhóm yếu thế. Giai đoạn 1993 - 2014, tỷ lệ nghèo tính theo chi tiêu giảm từ 58,1% xuống còn 8,4%. Mức sống chung của người dân được nâng cao, các hộ gia đình đã sở hữu nhiều tài sản lâu bền hơn. Tỷ lệ thiếu đói đã giảm mạnh trong vòng 15 năm qua và tình trạng thiếu đói kinh niên đã được xóa bỏ ở hầu hết các tỉnh thành. Đến năm 2008, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu “giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi”.

Dù đã đạt được thành tựu ấn tượng về giảm nghèo, Việt Nam vẫn phải đối mặt với một số thách

thức. Tỷ lệ nghèo còn chênh lệch giữa các nhóm dân tộc và vùng địa lý. Tình trạng nghèo đói và mức sống thấp còn phổ biến ở các khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên là các khu vực cách xa so với cả nước về giảm nghèo. Tình trạng tái nghèo vẫn còn tồn tại. Tính chất đa chiều của nghèo ngày càng thể hiện rõ do sức ép của đô thị hóa và di cư, trong đó thiếu thu nhập chỉ là một yếu tố bên cạnh các thiếu hụt khác về tiếp cận dịch vụ xã hội và điều kiện sống cơ bản.

- Mục tiêu 2: Việt Nam đã hoàn thành việc phổ cập giáo dục tiểu học (theo chuẩn quốc gia) và đang tiến dần tới việc phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Đến năm 2014, tỷ lệ đi học đúng tuổi ở bậc tiểu học đạt mức xấp xỉ 99,0%, cao nhất từ trước đến nay. Trong suốt những thập kỷ vừa qua, Chính phủ đã chứng tỏ cam kết và đạt được thành công trong việc kiến thiết lại hệ thống giáo dục quốc gia, giúp tăng cường chất lượng dạy và học cũng như cải thiện cơ sở vật chất nhà trường và môi trường học tập.

Tuy nhiên, Việt Nam cần tiếp tục nâng cấp chất lượng giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế. Bất bình đẳng về tiếp cận giáo dục và chất lượng giáo dục còn tồn tại giữa các nhóm dân tộc và các khu vực địa lý. Giáo dục bậc cao, bao gồm đào tạo nghề và kỹ thuật chưa phản ánh sát nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. Do đó, cải cách giáo dục để tăng cường chất lượng dạy và học là một nhu cầu cấp thiết.

- Mục tiêu 3: Việt Nam đã có được thành công ấn tượng với việc đạt được tất cả các chỉ tiêu của Mục tiêu này. Đến năm 2014 không còn có sự

khác biệt đáng kể về tỷ lệ biết đọc, biết viết và tỷ lệ nhập học ở tất cả các cấp học giữa nam và nữ. Phụ nữ cũng chứng tỏ vai trò ngày càng tăng trong giáo dục. Tỷ lệ giảng viên nam và giảng viên nữ tại các trường đại học và cao đẳng hiện nay tương đương nhau. Về việc làm, sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động phi nông nghiệp đã tăng mạnh, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn gặp phải nhiều thách thức. Phụ nữ vẫn phải chịu nhiều rào cản trong công việc hơn các đồng nghiệp nam. Với cùng trình độ học vấn, mức lương cho lao động nữ vẫn thấp hơn lao động nam, do phụ nữ thường phải đảm nhận những công việc có vị thế thấp hơn nam giới. Còn nhiều phụ nữ phải làm các công việc không chính thức và dễ bị tổn thương. Đại diện của phụ nữ trong các vị trí quản lý và lãnh đạo chưa thể đến gần các mục tiêu trong Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới 2011-2020. Tình trạng trọng nam khinh nữ vẫn tồn tại, nhất là ở những nơi có trình độ dân trí thấp và bạo lực trên cơ sở giới đang trở thành một vấn đề ngày càng phức tạp.

- Mục tiêu 4: Việt Nam đã có những tiên bộ vượt bậc trong việc theo dõi tỷ suất tử vong trẻ em. Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm một nửa năm 2014 trong khi tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh giảm nhanh hơn 2,5 lần trong cùng giai đoạn. Các kết quả tích cực của chương trình tiêm chủng mở rộng và các chính sách bảo vệ sức khỏe phụ nữ đã đóng góp đáng kể vào tiên bộ này. Việt Nam có khả năng cao sẽ đạt được chỉ số tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh. Tuy nhiên, tiến độ cải thiện các chỉ số này đã chậm lại trong thời gian gần đây và chỉ tiêu về tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi vẫn ở mức tiệm cận mục tiêu (gần đạt).

- Mục tiêu 5: Việt Nam đã giảm tỷ số tử

vong bà mẹ liên quan đến thai sản và đạt được mục tiêu vào năm 2015. Sức khỏe sinh sản của bà mẹ đã được quan tâm đặc biệt. Đa số phụ nữ trong thời kỳ thai sản được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc tiền sản. Tuy nhiên, các khó khăn vẫn còn tồn tại ở một số vùng nơi người dân tộc thiểu số sinh sống và các điều kiện kinh tế - xã hội còn kém phát triển như: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, kiến thức về sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục trong thanh thiếu niên còn hạn chế. Vì vậy, để đạt được các mục tiêu một cách toàn diện trên cả nước, việc tăng cường các chính sách và hành động hướng tới giúp những nhóm người này vượt qua khó khăn nêu trên là cần thiết.

- Mục tiêu 6: Việt Nam đã đạt các kết quả đáng khích lệ trong việc ngăn chặn HIV/AIDS: Việt Nam đã giảm tỷ lệ mắc HIV xuống dưới 0,3% dân số. Số lượng và chất lượng các dịch vụ điều trị, chăm sóc và hỗ trợ về HIV/AIDS đã được cải thiện, đặc biệt là độ bao phủ của liệu pháp ARV đã lên tới 67,6% số người cần được điều trị vào năm 2013, tăng gần gấp 34 lần so với năm 2005.

Việt Nam đã đạt được mục tiêu kiểm soát sốt rét từ năm 2011 với tỷ lệ ca tử vong liên quan đến sốt rét chỉ ở mức 0,01 trên 100.000 người trong năm 2012. Việt Nam cũng đã vượt mục tiêu toàn cầu về kiểm soát bệnh lao khi giảm thành công 62% số lượng các ca mắc mới và tử vong so với mức năm 1990. Để duy trì các thành tựu này và tiếp tục hướng tới việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển bền vững trong những năm tới, Việt Nam cần phải vượt qua nhiều thách thức, đặc biệt là những thách thức về nguồn lực tài chính.

- Mục tiêu 7: Nhận thức được vai trò của môi trường là một trong các yếu tố chính của phát triển bền vững, Việt Nam đã không ngừng đưa các

nguyên tắc bền vững vào các chính sách và chương trình quốc gia, cũng như tôn trọng các cam kết quốc tế. Các kết quả về tăng cường tiếp cận nước sạch, điều kiện vệ sinh cơ bản và nơi ở an toàn là đáng khích lệ, tập trung ở phần đông dân số và các nhóm yếu thế. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn phải đối mặt với áp lực của một quốc gia đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và dân số đông, ví dụ: Áp lực về suy giảm sự đa dạng sinh học, ô nhiễm môi trường và các vi phạm môi trường cũng như áp lực về tăng trưởng kinh tế mà chưa thể đảm bảo đầy đủ được tính bền vững.

- Mục tiêu 8: Việt Nam đã đạt được những kết quả ấn tượng trong việc xây dựng mối quan hệ toàn cầu vì phát triển. Những năm qua đã chứng kiến quá trình tự do hóa thương mại sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại tự do được ký kết gần đây, phản ánh rõ mức độ hội nhập kinh tế sâu sắc hơn. Quá trình tự do hóa thương mại đã thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, mặc dù vẫn còn tồn tại một số vấn đề, như: Tăng thâm hụt thương mại, các hàng rào phi thuế quan tạo ra bởi thị trường quốc tế, trong khi còn thiếu các rào cản tương ứng trên thị trường trong nước nhằm hỗ trợ các ngành công nghiệp non trẻ của Việt Nam. Giá trị gia tăng thấp của các sản phẩm và dịch vụ xuất khẩu cùng với sự phụ thuộc cao vào một số thị trường trở thành thách thức lớn. Bên cạnh đó, nguồn vốn ODA là một trong những nguồn vốn đầu tư quan trọng cho việc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

2. Một số hạn chế, nguyên nhân các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ chưa đạt được

Như đã nêu trên, kết thúc thực hiện MDGs, kết quả thực hiện có 4/8 mục tiêu MDGs đạt được mục tiêu đề ra; 3/8 mục tiêu MDGs đạt được nhiều tiến bộ (đạt nhiều nội dung) và 1/8 mục tiêu MDGs

mới đạt được một số nội dung so với mục tiêu đề ra. Do một số nguyên nhân sau:

- Bối cảnh kinh tế không thuận lợi, như: Khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, lạm phát và suy giảm kinh tế các năm 2011, 2012 đã có tác động không nhỏ, nhất là về nguồn lực để thực hiện các mục tiêu xã hội, tạo ra một số hệ lụy về sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, việc làm và thu nhập của người dân, dẫn tới xu hướng kết quả thực hiện các mục tiêu MDGs bị chững lại.

- Đối với nhóm các Mục tiêu liên quan đến y tế (4, 6), càng gần tới mục tiêu đề ra thì việc thực hiện càng khó khăn hơn. Tử vong trẻ em dưới 5 tuổi xuất hiện thêm những nguyên nhân tử vong ngoài lý do y tế (ví dụ như đuối nước, tai nạn...); diễn biến của HIV/AIDS ngày càng phức tạp, đặc biệt là trong các nhóm nguy cơ cao (mại dâm, ma túy), xuất hiện các nhóm mới khó kiểm soát (tình dục đồng giới) trong khi nguồn lực ngày càng trở nên khó khăn.

- Vấn đề môi trường ngày càng trở nên phức tạp và khó khăn, nhất là do tác động của biến đổi khí hậu, do tốc độ phát triển sản xuất công nghiệp và đô thị hóa nhanh hơn khả năng đáp ứng của nền kinh tế về bảo vệ môi trường.

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức không nhỏ, nhất là trong bối cảnh năng lực cạnh tranh và năng suất trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập cao. Mặt khác xu thế cắt giảm nguồn ODA ưu đãi do nước ta đã trở thành nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình cũng sẽ trở thành một thách thức không nhỏ trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

3. Bài học kinh nghiệm thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ ở Việt Nam

Bài học tổng quát được đúc kết qua chặng đường 15 năm thực hiện MDGs của Việt Nam không phải đến từ một nhóm, một chính sách hay một sự thay đổi cụ thể nào mà là nỗ lực tổng thể của cả quốc gia, bao gồm toàn bộ hệ thống chính trị và người dân. Bài học tổng quát này được cụ thể hóa thành 2 nhóm bài học chính, bao gồm: (1) Việt Nam đã có quá trình tổ chức thực hiện các mục tiêu MDGs hiệu quả với quyết tâm cao; (2) Việt Nam đã xây dựng mô hình tăng trưởng toàn diện, kết hợp phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Việt Nam đã có quá trình tổ chức thực hiện MDGs được triển khai một cách hiệu quả với (i) Nỗ lực và quyết tâm chính trị cao. Tinh thần MDGs đã được phản ánh xuyên suốt trong các cam kết quốc tế, các văn bản pháp luật và chính sách quan trọng của đất nước. (ii) Việc quảng bá, tuyên truyền về MDGs cũng như đào tạo kiến thức lập kế hoạch có lồng ghép MDGs đã giúp cho MDGs được phổ biến rộng rãi tại Việt Nam. (iii) Quốc gia hóa các mục tiêu MDGs thành các Mục tiêu phát triển Việt Nam dựa trên đặc điểm cụ thể của Việt Nam cùng với việc xác định các trọng tâm chính sách về giảm nghèo, giáo dục, y tế... đã giúp Việt Nam có thể tập trung nguồn lực giải quyết hiệu quả mục tiêu giảm nghèo và các mục tiêu giáo dục, y tế cơ bản trong thời gian qua, qua đó sẵn sàng chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp sang Chương trình nghị sự phát triển sau năm 2015. (iv) Việt Nam đã thực hiện tốt những cam kết quốc tế như: MDGs thông qua việc lồng ghép sâu rộng các mục tiêu này vào những kế hoạch, chiến lược, chính sách quan trọng, xây dựng các kế hoạch hành động cụ thể và bố trí ngân sách

phù hợp để đạt được mục tiêu. (v) Sự phân công trách nhiệm rõ ràng trong theo dõi, báo cáo và điều phối thực hiện MDGs ngay từ giai đoạn đầu triển khai đã thúc đẩy quá trình lồng ghép MDGs vào các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, đảm bảo việc thực hiện, giám sát và báo cáo được hài hòa. (vi) Việt Nam thực sự chú trọng đến xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ giám sát và báo cáo thực hiện MDGs. Các chỉ số MDGs được lồng ghép vào Hệ thống chỉ tiêu thông kê quốc gia, đã giúp Việt Nam có được ngày càng nhiều thông tin hữu ích, kịp thời giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra định hướng trong thực hiện tiếp theo, bao gồm: Xác định trọng tâm thực hiện, các mô hình thành công, những điểm hạn chế cần khắc phục và điều chỉnh. (vii) Việt Nam đã rút được bài học quý giá trong huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế cho thực hiện MDGs, đặc biệt là nguồn nội lực. (viii) Một bài học không kém phần quan trọng là phân cấp quản lý, tăng cường tính tự chủ của chính quyền địa phương cũng như thực hiện phương pháp tiếp cận “từ dưới lên” có sự tham gia và tham vấn.

Thứ hai, Việt Nam đã xây dựng mô hình tăng trưởng toàn diện, kết hợp phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển vì người nghèo, điển hình là vấn đề an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo luôn là những ưu tiên xuyên suốt cả quá trình, ngay cả trong những giai đoạn gặp nhiều khó khăn. Một trong những nguyên nhân cốt lõi giúp Việt Nam đạt được thành công trong thực hiện MDGs, đó là: (i) Nhà nước Việt Nam nhất quán và kiên định trong định hướng phát triển kinh tế đi đôi với cải thiện đời sống xã hội và bảo vệ môi trường. Điều này đã được thể hiện trong Hiến pháp, pháp luật, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

của quốc gia và các văn kiện của Đảng, Chính phủ. (ii) Hệ thống chính sách toàn diện, đa dạng, kết hợp với các chính sách phát triển ngành, lĩnh vực, các chính sách đặc thù và các chương trình mục tiêu quốc gia. (iii) Việc tích cực hội nhập quốc tế và hợp tác Nam - Nam đã giúp Việt Nam huy động và chia sẻ được kinh nghiệm, kiến thức, cũng như nguồn lực cho thực hiện MDGs, đồng thời giúp tăng vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

4. Phương hướng tổ chức thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam

Chặng đường tiếp theo sau khi các mục tiêu MDGs kết thúc thời gian và hướng tới các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), Việt Nam tiếp tục tập trung nỗ lực duy trì và nâng cao các kết quả đạt được, đồng thời tiến tới một mô hình tăng trưởng bền vững và toàn diện hơn, vì sự phát triển con người gắn với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; huy động tối đa nguồn lực nhằm đem lại thành công hơn nữa về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo; tập trung nhiều hơn vào khía cạnh tăng năng suất và đổi mới cùng với các công cụ chính sách, nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện và công bằng, theo đó Việt Nam cần có những bước chuẩn bị cơ bản như sau:

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Chí Dũng (2015), Bài phát biểu tại Lễ công bố Báo cáo kết quả 15 năm thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam;
2. Nguyễn Thế Phương (2015), Bài phát biểu tại Hội thảo tham vấn Báo cáo kết quả thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam năm 2015;
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), Báo cáo quốc gia kết quả 15 năm thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam;
4. Tổng cục Thống kê (2016), Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2011-2015, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

Một là, tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu SDGs ngay từ giai đoạn đầu theo mô hình có cơ quan điều phối chung và các cơ quan thực hiện gắn với từng mục tiêu. Sau khi hoàn tất các thủ tục cam kết quốc tế, các mục tiêu SDGs cần được trình Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho một cơ quan có trách nhiệm điều phối chung nghiên cứu, xây dựng lộ trình và giải pháp thực hiện cụ thể.

Hai là, giữa các mục tiêu cam kết quốc tế với hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu của quốc gia có sự khác biệt nhất định, cần nghiên cứu, chọn lựa, điều chỉnh các chỉ tiêu cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

Ba là, phát huy bài học kinh nghiệm đã thực hiện các mục tiêu MDGs, một số nội dung cần tiếp tục thực hiện, đó là: (i) lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu SDGs vào các kế hoạch, chương trình, chính sách... của quốc gia, nhất là giai đoạn 2016-2020; (ii) thể chế hóa cơ chế lồng ghép, thực hiện, giám sát, theo dõi ngay từ giai đoạn đầu, vừa thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Việt Nam, vừa tạo khuôn khổ pháp lý để thực hiện thống nhất; (iii) tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến trong cả hệ thống từ Trung ương đến địa phương và cho toàn thể người dân.